

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
(Biểu phí được thông báo, niêm yết công khai tại điểm giao dịch)

PHẦN 4: CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI KHOẢN

A - DỊCH VỤ THẺ							
Tên thẻ	M-Money	M-Money CASH	FCB Platinum (MC Platinum)	Visa Debit Classic for Payroll	Visa Debit Classic	Thẻ đồng thương hiệu Lotte - MSB	Thẻ đồng thương hiệu Vpoint - MSB
Loại thẻ	Thẻ ghi nợ nội địa		Thẻ ghi nợ quốc tế				
1. Phí phát hành thẻ	Miễn phí						
2. Phí thường niên, Phí cấp lại Thẻ, PIN							
2.1. Phí thường niên thẻ/năm (Năm đầu: thu ngay khi đăng ký phát hành Thẻ Từ năm thứ 2: hệ thống thu tự động)	60.000 VND/năm		- Thẻ gắn trên tài khoản M-Business Platinum, M-Premier Plus, M-Elite & Kim Phát: Miễn phí - Thẻ gắn trên TK khác: 200.000 VND	Miễn phí	22.000 VND Năm đầu tiên: Miễn phí hoặc bù trừ phí dịch vụ khác nếu Khách hàng phát sinh tối thiểu 01 giao dịch và tổng giá trị giao dịch thanh toán tối thiểu 100.000 VND qua Thẻ (Bao gồm: thanh toán POS, thanh toán Online bằng Thẻ) trong 3 tháng kể từ ngày mở Thẻ Năm thứ 2 trở đi: Miễn phí nếu Khách hàng phát sinh tối thiểu 01 giao dịch và tổng giá trị giao dịch thanh toán tối thiểu 100.000 VND qua Thẻ (Bao gồm: thanh toán POS, thanh toán Online bằng Thẻ) trong 3 tháng liên trước tháng thu phí	120.000 VND (Miễn phí năm đầu)	99.000 VND (Miễn phí năm đầu)
2.2. Phí phát hành lại thẻ (với trường hợp thẻ hỏng, thẻ mất)	50.000 VND/lần		Miễn phí	50.000 VND/lần		100.000 VND/lần	
2.3. Phí phát hành lại PIN	Miễn phí						
3. Giao dịch rút tiền trên máy ATM							
3.1. Tại ATM của MSB	Miễn phí					Miễn phí 2 GD đầu tiên trong tháng. Từ GD thứ 3 thu phí 1.000 VND/giao dịch	1.000 VND/giao dịch
3.2. Tại ATM của các Ngân hàng khác	3.000 VND	Miễn phí	- Thẻ gắn trên tài khoản M-Business Platinum, M-Premier Plus, M-Elite & Kim Phát: Miễn phí - Thẻ gắn trên TK khác: Miễn phí 2 GD đầu tiên trong tháng. Từ GD thứ 3 thu phí 3.000 VND/giao dịch	Miễn phí	- Rút tiền: Miễn phí 2 giao dịch đầu tiên trong tháng. Từ giao dịch thứ 3: 3.000 VND	3.000 VND/giao dịch	
3.3. Tại ATM nước ngoài / ATM đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam	Không hỗ trợ giao dịch		4%/số tiền giao dịch (Tối thiểu: 100.000 VND)				
4. Giao dịch chuyển khoản trên máy ATM MSB							
4.1. Chuyển khoản nội bộ	Miễn phí						
4.2. Chuyển khoản liên ngân hàng 247	10.000 VND/giao dịch						
5. Giao dịch phí tài chính trên máy ATM							
5.1. Truy vấn số dư							
5.1.1 Tại ATM của MSB/ Ngân hàng khác (không in hóa đơn)	Miễn phí						
5.1.1 Tại ATM của MSB/ Ngân hàng khác (có in hóa đơn)	500 VND/hóa đơn	Miễn phí					
5.2. Truy vấn sao kê							
5.2.1 Tại ATM của MSB (không in hóa đơn)	Miễn phí						
5.2.1 Tại ATM của MSB (có in hóa đơn)	500 VND/hóa đơn	Miễn phí					
5.3. Đổi Pin							
5.3.1 Tại ATM của MSB	Miễn phí						
5.3.2 Tại ATM của Ngân hàng khác	Miễn phí	Không hỗ trợ giao dịch					
6. Phí xử lý giao dịch bằng ngoại tệ	Không hỗ trợ giao dịch		3%/số tiền giao dịch				
7. Phí tra soát/ khiếu nại	100.000 VND/lần (chỉ thu nếu Chủ thẻ khiếu		Miễn phí	200.000 VND/lần (chỉ thu nếu Chủ thẻ khiếu nại không đúng)			
8. Phí chuyển phát nhanh thẻ theo yêu cầu của khách hàng							
8.1 Phí giao thường (trong vòng 5 ngày làm việc)	25.000 VND/thẻ						
8.2 Phí giao hỏa tốc (nhận thẻ gấp trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi phát hành)	200.000 VND/thẻ						
B - DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN BẰNG TIỀN MẶT							
1. Nộp tiền mặt chuyển tiền đi ngoài MSB	0.08%/số tiền (TT: 40.000 VND)						
2. Nộp tiền mặt/ chuyển khoản đi trong MSB cho người nhận bằng CMT/Hộ chiếu	0.03%/số tiền (TT: 20.000 VND, TĐ: 1.000.000 VND)						
3. Sửa đổi/Tra soát/Phí khác liên quan tới chuyển tiền	20.000 đ/lệnh						
C - DỊCH VỤ TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ VÀ CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI							
I. Quản lý tài khoản ngoại tệ							
1. Số dư tối thiểu	10 USD/10 EUR						
2. Phí đóng tài khoản	02 USD/02 EUR						
II. Giao dịch tài khoản ngoại tệ (bao gồm tiết kiệm KKH)							
1. Nộp tiền mặt vào tài khoản							
- Nộp bằng USD	Mệnh giá từ 50 USD trở lên: 0.2%/số tiền (TT: 02 USD). Mệnh giá dưới 50 USD: 0.4%/số tiền (TT: 03 USD)						
- Nộp bằng EUR	0.6%/số tiền (TT: 03 EUR)						
- Nộp bằng ngoại tệ khác	0.7%/số tiền (TT: 03 USD)						
2. Rút tiền mặt từ tài khoản							
- Loại tiền USD	0.2%/số tiền (TT: 02 USD)						
- Ngoại tệ khác	0.6%/số tiền (TT: 02 USD)						
- Lấy VND	Miễn phí						
3. Nhận ngoại tệ chuyển khoản vào tài khoản mở tại MSB							
3.1 Chuyển khoản đến từ trong nước	Miễn phí						
3.2 Chuyển khoản đến từ nước ngoài							
- Nhận chuyển khoản	0.05%/số tiền giao dịch (TT: 02 USD TĐ: 100 USD)						
- Nhận tiền mặt							
+ Loại tiền USD	0.2%/số tiền giao dịch (TT: 02 USD)						
+ Ngoại tệ khác	0.7%/số tiền giao dịch (TT: 02 USD)						
4. Chuyển khoản ngoại tệ đi từ tài khoản MSB							
4.1. Chuyển khoản trong hệ thống MSB	Miễn phí						
4.2. Chuyển khoản ngoài hệ thống MSB, trong nước	0.05%/số tiền giao dịch(TT: 05 USD; TĐ: 60 USD)						
(*) Đối với các loại ngoại tệ khác, áp dụng theo chính sách của MSB theo từng thời kỳ.							

Chuyển tiền nước ngoài		
1. Chuyển khoản ra nước ngoài	Đối với phí của Ngân hàng thụ hưởng và Ngân hàng trung gian, Khách hàng có thể lựa chọn Cộng gộp phí vào Tổng số tiền chuyển nếu Khách hàng không có nhu cầu nhờ MSB nộp hộ	
1.1. Phí của Ngân hàng chuyển tiền (MSB)		
1.1.1. Phí của Ngân hàng chuyển tiền vào ngày thường (MSB)	- Khách hàng thường: 0.25%/số tiền (TT: 05 USD) - Khách hàng ưu tiên: Miễn phí	
1.1.2. Phí của Ngân hàng chuyển tiền (MSB) vào các dịp đặc biệt	- Miễn phí cho KH là nữ Nhân dịp ngày 8/3 vào các ngày từ 5/3 đến hết ngày 20/3 - Miễn phí cho KH là nữ Nhân dịp ngày 20/10 vào các ngày từ 15/10 đến hết ngày 30/10 - Miễn phí cho KH có giao dịch chuyển tiền quốc tế vào ngày sinh nhật MSB (12/8) - Miễn phí: cho KH có giao dịch chuyển tiền quốc tế vào Thứ 4 hàng tuần – “NGÀY VÀNG FX” (*) Lưu ý: KH có thể giao dịch tại tỷ giá khác niêm yết, không quy định khối lượng giao dịch tối thiểu.	
1.2. Phí của Ngân hàng thụ hưởng (Chọn 1.2.1 HOẶC 1.2.2)		
1.2.1. Phí của Ngân hàng thụ hưởng thông thường (Trong một số trường hợp Ngân hàng thụ hưởng thu phí cao hơn quy định, người nhận có thể không nhận đủ số tiền trên lệnh chuyển tiền)		
- USD/EUR/CAD/SGD	25 USD/EUR/CAD/SGD	
- GBP	20 GBP	
- AUD	30 AUD	
- JPY	5,000 JPY	
- Ngoại tệ khác	25 USD	
1.2.2. Phí của Ngân hàng thụ hưởng ĐẶC BIỆT		
1.2.2.1. FULL PAY - Áp dụng: EUR, USD, CAD, GBP đi qua BONY (dịch vụ MSB ký với Bank of NewYork Mellon) - Bao gồm: Phí ghi nợ, phí ghi có tại Ngân hàng chuyển, Ngân hàng trung gian, Ngân hàng hưởng (nếu có) đều do Người chuyển chịu ☐ Người thụ hưởng nhận đúng số tiền chuyển. - Chọn và hạch toán: + Lệnh chuyển tiền tích vào : OUR + Trường 72 trên điện SWIFT: bổ sung code “ FULLPAY” - Phí : 22 EUR/ 25 USD/ 35 CAD/ 25 GBP ***LƯU Ý: - <i>Thị trường Canada</i> : chỉ áp dụng phí Fullpay cho 5 Ngân hàng hưởng: Royal Bank of Canada,Toronto-Dominion Bank, Bank of Montreal, Canadian Imperial Bank of Commerce, Scotiabank - <i>Thị trường Mỹ</i> : Một số ngân hàng Mỹ không áp dụng dịch vụ Fullpay nên trong trường hợp người thụ hưởng bị trừ tiền thì BONY sẽ hỗ trợ thanh toán khoản tiền đó cho người thụ hưởng tối đa là 15USD. Vì vậy trong trường hợp người thụ hưởng không nhận đủ số tiền chuyển, MSB sẽ đi điện cho BONY để tra soát.		
1.2.2.2. FULL NO DEDUCT - Áp dụng: USD đi qua Wells Fargo và JChase Morgan nằm ngoài nước Mỹ - Bao gồm: Phí ghi nợ, phí ghi có tại Ngân hàng chuyển, Ngân hàng trung gian (nếu có) đều do Người chuyển chịu ☐ Riêng Phí ghi có tại Ngân hàng hưởng (nếu có) sẽ do Người thụ hưởng chịu và khấu trừ từ số tiền chuyển. - Chọn và hạch toán: + Lệnh chuyển tiền tích vào : OUR + Trường 72 trên điện SWIFT: bổ sung code “ /FND//PREADV/” - Phí: 35 USD		
2. Điện phí		
2.1. Điện phí vào ngày thường (các ngày trong năm ngoại trừ “NGÀY VÀNG FX”)	5 USD/ giao dịch	
2.2. Điện phí vào “NGÀY VÀNG FX”	Miễn phí	
3. Điều chỉnh/ Hủy/ Tra soát lệnh chuyển tiền/ Thoái hối	10 USD/ giao dịch + Phí NH nước ngoài thu (nếu có)	
4. Chuyển tiền ra nước ngoài qua Western Union	Thu theo biểu phí do Western Union qui định từng thời kỳ + Phí nộp ngoại tệ mặt (nếu có)	
5. Phí nộp ngoại tệ mặt để chuyển tiền ra nước ngoài		
5.1. Ngoại tệ USD	0.4%/ số tiền (TT: 5 USD)	
5.2. Ngoại tệ EUR, AUD	0.5%/ số tiền (TT: 5 USD)	
5.3. Ngoại tệ khác (gồm GBP, CAD, JPY, THB, HKD, SGD)	0.6%/ số tiền (TT: 5 USD)	
6. Chuyển tiền đến từ nước ngoài		
6.1. Phí dịch vụ nhận tiền bằng CMT	0.06%/số tiền (TT: 02 USD, TB:100 USD) + phí rút ngoại tệ mặt	
6.2. Phí chuyển tiếp món tiền về từ nước ngoài (cho NH hưởng ở Việt Nam)	5 USD	
7. Phí cấp giấy xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài	- Khách hàng có tài khoản tại MSB: 100.000 VND/lần. - Khách hàng không có tài khoản tại MSB: 200.000 VND/lần	
D - DỊCH VỤ TÀI KHOẢN KHÁC		
	Khách hàng thường	Khách hàng ưu tiên (M-First)
1. Cung cấp sao kê tài khoản theo yêu cầu của khách hàng		
1.1 In sổ phụ hàng ngày/sao kê hàng tháng	5.000 VND/sao kê	Miễn phí
1.2 In sao kê đột xuất theo yêu cầu của Khách hàng	In từ dưới 5 trang giao dịch - phí 3.000 VND/ trang Trên 5 trang - phí 5.000 VND/trang (Không bao gồm in sao kê phục vụ nghiệp vụ tín dụng)	Miễn phí
2. Phí sao lục chứng từ	20.000 VND/chứng từ	Miễn phí
3. Dịch vụ xác nhận số dư tài khoản, giấy tờ có giá	Xác nhận tiếng việt : 50.000 VND/ bản đầu, các bản sau là 20.000 VND Xác nhận tiếng anh : 100.000 VND /bản đầu, bản sau là 50.000VND (Miễn phí xác nhận đối với tiền gửi từ kênh NHĐT)	
4. Chuyển nhượng/Ủy quyền linh thay/Thừa kế giấy tờ có giá	Theo thỏa thuận, TT: 50.000 VND/lần	Miễn phí
4.1 Thông báo mất và cấp lại STK	Phí thông báo mất 50.000 VND Cấp lại STK mới 50.000 VND	Miễn phí
4.2 Phong tỏa để cầm cố vay TCTD khác	100.000 VND/ lần	Miễn phí
5. Phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của khách hàng	50.000 VND/lần	Miễn phí
6. Đóng tài khoản	50.000 VND/lần	Miễn phí
7. Phí thường niên tài khoản (áp dụng cho các mã tài khoản thanh toán không đóng gói combo)	50.000 VND/năm	Miễn phí
8. Phí quản lý tài khoản (chỉ thu nếu tài khoản không có giao dịch tài chính chủ động trong vòng 06 tháng và số dư bình quân trong tháng dưới 3 triệu đồng)	10.000 VND/tháng	Miễn phí
E - DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ KHÁC		
	Khách hàng thường	Khách hàng ưu tiên (M-First)
1. Thay đổi thông tin dịch vụ (Sửa đổi tên đăng nhập/số điện thoại/Các thông tin cá nhân khác) (Không bao gồm: Phí đóng/mở lại dịch vụ, Reset/cấp lại Mật khẩu, Kích hoạt lại dịch vụ, Thay đổi gói dịch vụ)	20.000 VND/lần	Miễn phí
2. Tra soát giao dịch (chỉ thu nếu khách hàng yêu cầu tra soát sai)	100.000 VND/lần	Miễn phí
3. Phí thiết bị xác thực Token key	750.000 VND	750.000 VND
4. Phí duy trì dịch vụ Internet Banking/Mobile Banking với KH mở tài khoản lẻ, không mở theo combo	10.000 VND/tháng	Miễn phí
5. Phí duy trì dịch vụ SMS Banking với KH mở tài khoản lẻ, không mở theo combo	15.000 VND/tháng	Miễn phí

F - DỊCH VỤ TÀI KHOẢN THẦU CHỈ		
	Khách hàng thường	Khách hàng ưu tiên (M-First)
1. Phí thiết lập (cấp)/thay đổi hạn mức tài khoản thấu chi		
- Thấu chi có/không có tài sản đảm bảo	0.5%*Hạn mức được cấp (TT: 100.000 VND; TĐ: 3.000.000 VND)	Miễn phí
- Thấu chi từ Tiền gửi/ Giấy tờ có giá	50.000đ/lần	Miễn phí
2. Phí đóng tài khoản (đóng hạn mức) thấu chi trước hạn		
- Thấu chi có tài sản đảm bảo	200.000 VND	Miễn phí
-Thấu chi không tài sản đảm bảo	100.000 VND	Miễn phí
- Thấu chi từ Tiền gửi/ Giấy tờ có giá	Miễn phí	Miễn phí
3. Phí quản lý tài khoản thấu chi /tháng (*)		
- Thấu chi có tài sản đảm bảo	0.1%*Hạn mức được cấp (TT: 100.000 VND; TĐ: 200.000 VND)	Miễn phí
- Thấu chi không tài sản đảm bảo.	0.1%*Hạn mức được cấp (TT: 50.000 VND; TĐ: 200.000 VND)	Miễn phí
- Thấu chi từ Tiền gửi/ Giấy tờ có giá	Miễn phí	Miễn phí
4. Phí tái cấp/ gia hạn hạn mức tài khoản thấu chi		
- Thấu chi có/không có tài sản đảm bảo	0.1%*Hạn mức được cấp (TT: 100.000 VND; TĐ: 3.000.000 VND)	Miễn phí
- Thấu chi từ Tiền gửi/ Giấy tờ có giá	Miễn phí	Miễn phí
- Các loại phí giao dịch khác được phép thực hiện trên tài khoản thấu chi áp dụng tương tự gói tài khoản M-Money - Miễn các loại phí liên quan đến thấu chi được cấp qua kênh Online - Miễn phí đóng tài khoản (đóng hạn mức) thấu chi trước hạn dưới 30 ngày tính đến ngày hết hạn Hạn mức Thấu chi (*) Phí quản lý tài khoản thấu chi chỉ áp dụng nếu KH có phát sinh chi tiêu thấu chi trong tháng		
G - DỊCH VỤ TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN		
	Khách hàng thường	Khách hàng ưu tiên (M-First)
1. Tiết kiệm VND		
1.1. Tắt toán số tiết kiệm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày mở sổ (không bao gồm trường hợp tắt toán để gửi thêm tiền)	0.03%/ số tiền tắt toán TT: 10.000 VND; TĐ: 1.000.000 VND	Miễn phí
2.2. Tắt toán số tiết kiệm trong sau 02 ngày kể từ ngày mở sổ (không bao gồm trường hợp tắt toán để gửi thêm tiền)	Miễn phí	
2. Tiết kiệm USD		
2.1. Tắt toán số tiết kiệm trong 30 ngày kể từ ngày mở sổ (không bao gồm trường hợp tắt toán để gửi thêm tiền)		
- Lấy USD tiền mặt	0.15%/số tiền (TT: 02 USD)	
- Lấy VND	Miễn phí	
2.2. Tắt toán số tiết kiệm trong sau 30 ngày kể từ ngày mở sổ (không bao gồm trường hợp tắt toán để gửi thêm tiền)	Miễn phí	
H. DỊCH VỤ NGÂN QUÝ		
1. Phí kiểm đếm (thu khi kiểm đếm hộ Khách hàng)	0.03%/số tiền (TT: 10.000 VND; TĐ: 1.000.000 VND)	
2. Dịch vụ đổi tiền ngoại tệ tờ mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	2%/số tiền (TT: 02 USD)	
3. Dịch vụ đổi tiền ngoại tệ tờ mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí	
4. Kiểm định ngoại tệ theo yêu cầu của khách hàng	0.2 USD/tờ	
5.Đổi ngoại tệ không đủ điều kiện lưu thông lấy ngoại tệ cùng loại	0.2% tối thiểu 2 USD	
6. Đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định NHNN	Miễn phí	
I. DỊCH VỤ SÉC		
1. Cung ứng séc trắng	15.000 VND/quyển	
2. Đổi séc du lịch		
- Lấy tiền mặt VND	1.5%/số tiền (TT: 02 USD)	
- Lấy tiền mặt ngoại tệ	2%/số tiền (TT: 02 USD)	
(*) Mức phí quy định trong biểu phí này là mức tối thiểu, Giám đốc Trung tâm Khách hàng cá nhân/ Trung tâm kinh doanh có thể thỏa thuận mức phí với Khách hàng trên cơ sở phù hợp với địa bàn đơn vị và sự đồng ý của Khách hàng		
Ghi chú (áp dụng cho cả 4 phần):		
1. Các trường hợp rút tiền/chuyển khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ghi có được miễn phí :		
● Rút tiền/chuyển khoản để gửi tiết kiệm, mua giấy tờ có giá, mua bảo hiểm, mua trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, giao dịch vàng và ngoại tệ tại MSB		
● Rút tiền/chuyển khoản được ghi có vào tài khoản từ việc tắt toán giấy tờ có giá, bán lại trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, ngoại tệ và vàng cho MSB, tiền cổ tức, trả nợ tại MSB		
● Rút tiền/chuyển khoản được ghi có vào tài khoản từ việc tắt toán thẻ tiết kiệm đã qua 02 ngày làm việc kể từ ngày tạo thẻ		
2. Trường hợp rút tiền/chuyển tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký với MSB, khách hàng được miễn phí chuyển khoản liên ngân hàng, phí rút tiền mặt/chuyển khoản trong vòng 02 ngày làm việc.		
3. Với tài khoản thấu chi, các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản thấu chi sang tài khoản thanh toán của chính khách hàng tại MSB để sử dụng thấu chi được miễn phí giao dịch.		
4. Chuyển khoản nội bộ để mua trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ được miễn phí.		
5. Tài khoản bao gồm Tài khoản thanh toán và Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn		